

8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	201			1	2		198									
8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	120			5			79					35	1			
8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	249	3		6			91			139		9	1			
9	Đất tôn giáo	TON	14								14							
10	Đất tín ngưỡng	TIN	61									61						
11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	82			2					5	11		64				
12	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	58				1		15					40	1	1		
13	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	82	5										64	8	5		
14	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	264	168		1			86					9				
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	200											172	28			
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	38											10	28			
2	Đất băng chưa sử dụng	BCS	60											60				
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	63											63				
4	Núi đá không có rừng cây	NCS	39											39				
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS																

Ngày 14 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu



Tống Thị Tuyết Lan

GIÁM ĐỐC

Ngày 14 tháng 12 năm 2025

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Hữu Chiến